

TỔNG HỢP 12+
ĐỀ KIỂM TRA
NGŨ VĂN
CUỐI KỲ 1 LỚP 7
CÓ ĐÁP ÁN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

(1) Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. (2) Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bản vừa cũ, lại rộng nữa.

(3) Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. (4) Cô bé nghĩ : “ (5) Tại sao mình lại không được hát ? (6) Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao ?”. (7) Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. (8) Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt là mới thôi.

“(9) hát hay quá!”. (10) Một giọng nói vang lên : “(11) Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. (12) Cô bé ngẩn người. (13) Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. (14) Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi.

(15) Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. (16) Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. (17) Cụ vỗ tay nói lớn : “(18) Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá !”. (19) Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

(20) Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. (21) Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. (22) Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

“(23) Cụ già ấy đã qua đời rồi. (24) Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay.” — (25) Một người trong công viên nói với cô. (26) Cô gái sững người. (27) Một cụ già ngày ngày vẫn chăm chú lắng nghe và khen cô hát lại là một người không có khả năng nghe?

(<https://truyencotich.vn/qua-tang-cuoc-song>)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Tự sự**
- D. Nghị luận

Câu 2. Chủ đề của văn bản trên là:

- A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu.**

- B. Lòng biết ơn
- C. Đức tính trung thực
- D. Lòng hiếu thảo

Câu 3. Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

- A. Cô bé
- B. Người kể chuyện giấu mặt**
- C. Ông cụ
- D. Người thầy giáo

Câu 4. Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên ?

- A. Vì cô không có quần áo đẹp.
- B. Vì cô không có ai chơi cùng.
- C. Vì cô bé bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca.**
- D. Vì cô bé bị mẹ mắng

Câu 5. Cuối cùng trong công viên cô bé đã làm gì ?

- A. Suy nghĩ xem tại sao mình không được hát trong dàn đồng ca.
- B. Đi chơi với bạn
- C. Ngồi trò chuyện với cụ già.
- D. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả.**

Câu 6. Tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện là gì ?

- A. Cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô hát lại là một người bị điếc, không có khả năng nghe.**
- B. Cụ già đã qua đời.
- C. Cô bé không được gặp lại ông cụ nữa
- D. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng.

Câu 7. Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện ?

- A. Là một người kiên nhẫn.
- B. Là một con người hiền hậu.
- C. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác.**
- D. Là một người trung thực, nhân hậu.

Câu 8. Cụm từ *một buổi chiều mùa đông* trong câu văn (22) là thành phần mở rộng trạng ngữ bởi?

- A. Vị ngữ
- B. Cụm danh từ**
- C. Cụm động từ
- D. Cụm tính từ

Câu 9. Theo em, vì sao câu chuyện có tên là “Đôi tai của tâm hồn”?

Câu 10. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn trình bày cảm xúc về người mẹ kính yêu của em.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	- Xuất phát từ điều bất ngờ trong câu chuyện: Cụ già trong công viên đã khen ngợi, cổ vũ cho cô gái hát lại là người điếc. Cụ không thể nghe được bằng tai nhưng lại nghe bằng chính tâm hồn. - Nhờ trái tim yêu thương, tấm lòng nhân hậu mà ông cụ đã giúp cô bé có suy nghĩ tích cực, đạt được thành công.	1,0
	10	- Thông điệp truyền tải qua đoạn trích: + Đừng nhìn vẻ bề ngoài mà đánh giá năng lực thật sự của họ + Hãy trao đi yêu thương, động viên, khích lệ, ta sẽ giúp ai đó tự tin hơn, thậm chí khiến cuộc đời họ thay đổi + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công - Thông điệp tâm đắc nhất và giải thích lí do: có thể chọn 1 trong 3 thông điệp trên hoặc lựa chọn một thông điệp khác mà bạn thấy được qua đoạn trích trên.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Biểu cảm về người mẹ kính yêu của mình.	0,25
		c. Trình bày cảm xúc về người mẹ kính yêu của em.	3,0
		1. Mở bài:	
		• Giới thiệu được người mẹ mà em yêu quý nhất	0,5
		• Tình cảm, ấn tượng của em về mẹ.	
		2. Thân bài	

	<p>a. Giới thiệu một vài nét tiêu biểu về mẹ: Mái tóc, giọng nói, nụ cười, ánh mắt; hoàn cảnh kinh tế gia đình, công việc của mẹ, tính tình, phẩm chất...</p> <p>b. Tình cảm của mẹ đối với những người xung quanh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ông bà nội, ngoại, với chồng con ... • Với bà con họ hàng, làng xóm ... <p>c. Với riêng em, gọi lại những kỉ niệm của em với mẹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nêu những suy nghĩ và mong muốn của em đối với mẹ. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ấn tượng, cảm xúc của em đối với mẹ • Mong ước, lời hứa... 	2,0
	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5
	<p>e. <i>Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thơ giàu sắc thái biểu cảm.</p>	0,25

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Truyện ngụ ngôn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p>	3 TN	5TN	2TL	

			<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. 				
2	Làm văn	Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc.	<p>Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.</p>				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CÂU CHUYỆN BÓ ĐŨA

Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ, anh em rất hòa thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng, tuy mỗi người một nhà nhưng vẫn hay va chạm.

Câu 9. Qua câu chuyện trên, rút ra bài học mà em tâm đắc nhất.

Câu 10. Cách dạy con của người cha có gì đặc biệt.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Cảm nghĩ về người thân.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	B	0,5
	9	- HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.	1,0
	10	- HS chỉ ra được điều đặc biệt trong cách dạy con của người cha: tế nhị, tinh tế.	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Cảm nghĩ về người thân</i>	0,25
		<i>c. Cảm nghĩ về người thân</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó. - Biểu cảm về người thân + Nét nổi bật về ngoại hình + Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh. - Kỷ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về kỷ niệm đó. - Tình cảm của em với người thân.	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn	Mức độ nhận thức	Tổng %
----	---------	--------------	------------------	--------

		vị kiến thức									điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Văn bản nghị luận	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. <p>Vận dụng:</p>	5 TN	3TN	2TL	